

NGHỊ QUYẾT
Về bổ sung kế hoạch đầu tư công tỉnh Tiền Giang năm 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 5

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch đầu tư công tỉnh Tiền Giang năm 2022;*

*Xét Tờ trình số 184/TTr-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về
bổ sung kế hoạch đầu tư công tỉnh Tiền Giang năm 2022 và Tờ trình số
227/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung
Tờ trình số 184/TTr-UBND; Báo cáo thẩm tra số 27/BC-HĐND ngày 30 tháng 6
năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo
luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022

1. Bổ sung 1.185,582 tỷ đồng vào tổng vốn đầu tư công từ nguồn ngân
sách nhà nước năm 2022 của tỉnh, cụ thể:

a) Vốn ngân sách địa phương: 249,281 tỷ đồng từ vốn tăng thu xổ số kiến
thiết và tiền thu sử dụng đất.

b) Vốn ngân sách Trung ương: 936,301 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia: 158,056 tỷ đồng, gồm: Chương
trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 1,106 tỷ đồng, Chương trình mục
tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 156,950 tỷ đồng;

- Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực: 598,245 tỷ đồng;
- Vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội là 180,000 tỷ đồng.

2. Bổ sung danh mục dự án trong Nghị quyết số 45/NQ-HĐND.

(Đính kèm Phụ lục I, II, II.a, II.b)

3. Đề tổ chức thực hiện và giải ngân tốt kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương năm 2022 thuộc 02 Chương trình mục tiêu quốc gia, giao Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động quản lý, điều hành, bố trí danh mục công trình cho cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc trong tổng số vốn được giao trong Nghị quyết và báo cáo kết quả việc bố trí sử dụng hoặc điều chuyển (nếu có) với Hội đồng nhân dân tỉnh vào cuối kỳ kế hoạch đầu tư công hàng năm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khoá X, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 08 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UB. Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- HĐDT và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Cục Hành chính - Quản trị II (VPCP);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Các đ/c UVBTV Tỉnh ủy;
- UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Võ Văn Bình

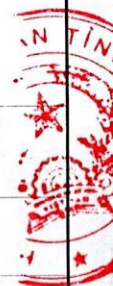
Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 (BỔ SUNG)**(Vốn ngân sách tỉnh nguồn tăng thu xổ số kiến thiết, tiền sử dụng đất bù hụt thu ngân sách năm 2021)***(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kê hoạch đầu tư công năm 2022 (bổ sung)	Ghi chú
TỔNG CỘNG					1.064.734	249.281	
I	Giáo dục và Đào tạo				150.097	29.411	
*	Công trình chuyển tiếp				150.097	29.411	
1	Trường TH và THCS Hậu Mỹ Phú - huyện Cái Bè	H.CB	H.CB	2020-2021	60.605	10.000	
2	Trường THPT Phạm Thành Trung	S.GDĐT	H.CB	2019-2021	29.740	9.928	
3	Trường THCS Mỹ Lợi A	H.CB	H.CB	2019-2021	29.763	4.483	
4	Trường tiểu học Hậu Thành	H.CB	H.CB	2019-2021	29.989	5.000	
II	Y tế, dân số và gia đình				296.361	31.874	
*	Công trình chuyển tiếp				296.361	31.874	
1	Cải tạo, mở rộng Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy	S.YT	TX.CL	2020-2023	151.385	6.500	
2	Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	S.YT	H.CT	2019-2021	29.976	9.500	
3	Sửa chữa, cải tạo Bệnh viện Y học cổ truyền thành Trung tâm Hồi sức bệnh nhân Covid - 19	BQL DDCN	TP.MT	2021	115.000	15.874	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 (bổ sung)	Ghi chú
III	Văn hóa, thông tin				120.285	65.882	
*	Công trình chuyển tiếp				120.285	65.882	
1	Đài Phát thanh - Truyền hình huyện Cai Lậy	H.CL	H.CL	2020-2021	14.500	3.682	
2	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	BQL DDCN	TP.MT	2020-2023	87.951	52.200	
3	Nâng cấp, bổ sung thiết bị phát thanh - truyền hình theo lộ trình số hóa	Đài PTTH	TP.MT	2020-2022	17.834	10.000	
IV	Thể dục, thể thao				91.179	32.500	
*	Công trình chuyển tiếp				91.179	32.500	
1	Khu thể thao dưới nước tỉnh Tiền Giang	S.VHTTDL	TP.MT	2020-2021	70.239	22.000	
2	Nhà luyện tập thể thao	H.CG	H.CG	2020-2021	20.940	10.500	
V	Giao thông				188.398	17.478	
*	Công trình chuyển tiếp				188.398	17.478	
1	Nâng cấp mở rộng Đường B2 (đoạn từ đường tỉnh 868 đến đường số 3)	TX.CL	TX.CL	2020-2022	79.550	6.500	
2	Nâng cấp, mở rộng đường Đông kênh 17 (ĐT.865 đến kênh Trương Văn Sanh)	H.TP	H.TP	2020-2021	54.383	2.978	
3	Đường Nam Trương Văn Sanh ĐH.42 (ĐT 867 đến kênh Chín Hân) - giai đoạn 1	H.TP	H.TP	2020-2023	54.465	8.000	



TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 (bổ sung)	Ghi chú
VI	Xã hội				218.414	72.136	
*	Công trình chuyển tiếp				218.414	72.136	
1	Mở rộng Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Tiền Giang (giai đoạn 2)	BQL DDCN	H.CT	2020-2023	218.414	72.136	



Phụ lục II
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 (BỔ SUNG)
(Vốn ngân sách Trung ương)

(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 (bổ sung)	Ghi chú
TỔNG CỘNG					4.892.988	936.301	
A	Chương trình mục tiêu quốc gia				158.056	158.056	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	S.LĐTBXH	H.TPĐ	2021-2025	1.106	1.106	Chi tiết theo phụ lục II.a
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	S.NNPTNT	Cả tỉnh	2021-2025	156.950	156.950	Chi tiết theo phụ lục II.b
B	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực				4.227.723	598.245	
I	Nông nghiệp				1.566.360	168.310	
a)	Công trình chuyển tiếp				1.366.360	134.310	
1	Kè chống sạt lở Cồn Ngang	BQL DA Nông nghiệp	H.TPĐ	2021-2024	250.000	15.000	
2	Đầu tư xây dựng hệ thống cống ngăn mặn tại đầu các kênh rạch ra sông Tiền trên Đường tỉnh 864 (giai đoạn 1)	BQL DA Nông nghiệp	Toàn tỉnh	2021-2024	846.360	57.310	
3	Xử lý sạt lở khu vực xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè	H.CB	H.CB	2021-2024	150.000	47.000	
4	Bờ kè sông Ba Rài	BQL DA Nông nghiệp	TXCL	2021-2024	120.000	15.000	
b)	Công trình khởi công mới năm 2022				200.000	34.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 (bổ sung)	Ghi chú
1	Nâng cấp đê biển Gò Công (giai đoạn 2)	BQL DA Nông nghiệp	H.GCĐ	2021-2024	200.000	34.000	
II	Giao thông				2.661.363	429.935	
a)	Công trình chuyển tiếp				661.363	129.935	
1	Nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 879B từ cầu Gò Cát đến ranh Long An	Ban QLDA Giao thông	TP.MT, H.CG	2021-2024	260.000	80.000	
2	Đường tỉnh 873 từ cầu Bình xuân đến Quốc lộ 50	Ban QLDA Giao thông	TX.GC	2021-2024	152.000	9.735	
3	Nâng cấp, mở rộng các Đường tỉnh 861, 863, 869 (kết nối tỉnh Tiền Giang và tỉnh Đồng Tháp)	Ban QLDA Giao thông	H.CB	2021-2024	249.363	40.200	
b)	Công trình khởi công mới năm 2022				2.000.000	300.000	
1	Đường giao thông hai bên bờ sông Bảo Định	BQL DA DD&CN	TP.MT	2022-2027	2.000.000	300.000	
C	Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội				507.209	180.000	
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				122.060	40.000	
1	Xử lý sạt lở bờ sông Tiền cù lao Tân Phong (đoạn 3), xã Tân Phong, huyện Cai Lậy	BQL DA Nông nghiệp	H.CL	2022-2024	122.060	40.000	
II	Y tế, dân số và gia đình				385.149	140.000	
1	Trụ sở làm việc các Trung tâm kiểm nghiệm, kiểm soát bệnh tật tỉnh Tiền Giang	BQL DDCN	Tp.MT	2021-2024	173.037	60.000	
2	Trung tâm Y tế huyện Gò Công Tây	BQL DDCN	H.GCT	2022-2024	44.487	30.000	
3	Trung tâm Y tế huyện Chợ Gạo	BQL DDCN	H.CG	2022-2024	40.125	30.000	
4	Trung tâm Y tế thị xã Cai Lậy	Tx.CL	TX.CL	2022-2024	127.500	20.000	





Phụ lục II.a

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
NĂM 2022 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)*

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục chương trình, đơn vị	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	1.106	
I	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	1.106	
1	Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sản giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu	1.106	



Phụ lục II.b

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

*(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)*

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục chương trình, đơn vị	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	156.950	
	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	156.950	Bổ sung mục tiêu về huyện
1	Huyện Cái Bè	26.089	
2	Huyện Cai Lậy	14.917	
3	Huyện Tân Phước	15.568	
4	Huyện Châu Thành	24.840	
5	Huyện Chợ Gạo	17.901	
6	Huyện Gò Công Tây	11.934	
7	Huyện Gò Công Đông	10.939	
8	Huyện Tân Phú Đông	11.889	
9	Thị xã Gò Công	6.961	
10	Thị xã Cai Lậy	9.945	
11	Thành phố Mỹ Tho	5.967	